

FCPF - REDD+
VIETNAM



**TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG VÀ
GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**

Tháng 3/2016

FCPF - REDD+
VIETNAM



**TRÌNH TỰ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG VÀ
GIAO ĐẤT LÂM NGHIỆP CÓ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN**

Tháng 3 - 2016

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐLN	Đất lâm nghiệp
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
HĐTVĐĐ	Hội đồng tư vấn đất đai
PRA	Phân loại kinh tế hộ
QHSD&GĐLN	Quy hoạch sử dụng và giao đất lâm nghiệp
TCT	Tổ công tác
UBND	Ủy ban Nhân dân

MỤC LỤC

I. LỜI MỞ ĐẦU	05
II. CÁC BƯỚC CƠ BẢN TRONG QHSD&GĐLN CÓ SỰ THAM GIA	06
1. Bước 1: Chuẩn bị	07
1.1. Chuẩn bị về mặt tổ chức và hành chính.....	08
1.2. Thu thập và phân tích các tài liệu và bản đồ hiện có.....	11
1.3. Tập huấn cho các thành viên TCT cấp xã.....	12
1.4. Họp xã triển khai hoạt động QHSD&GĐLN, xác định vùng đất dự kiến giao của mỗi thôn/bản và lập kế hoạch cho việc thực hiện QHSD&GĐLN cấp xã và chuẩn bị các vật tư cần thiết.....	14
2. Bước 2: Đánh giá hiện trạng	18
2.1. Họp thôn bản lần 1.....	19
2.2. Đánh giá thực trạng kinh tế xã hội và tình hình sử dụng ĐLN thôn/bản.....	21
2.3. Lập bản đồ và báo cáo hiện trạng sử dụng đất.....	23
3. Bước 3: Lập phương án GĐLN thôn/bản	25
3.1. Chuẩn bị lập kế hoạch GĐLN của xã.....	26
3.2. Cuộc họp thôn/bản lần 2.....	28
3.3. Lập và phê duyệt danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện nhận đất nhận rừng.....	29
3.4. Họp với các hộ sẽ nhận đất nhận rừng trong cùng một khoảnh, tiểu khu.....	30
3.5. Xây dựng sơ đồ GĐLN của thôn/bản.....	32
4. Bước 4: Xây dựng kế hoạch sử dụng và phương án giao đất cấp xã	33
4.1. Xây dựng dự thảo kế hoạch sử dụng và phương án giao đất của thôn/bản (bản thảo).....	34

4.2. Tổ chức cuộc họp thôn/bản lần 3 và hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản.....	38
4.3. Lập kế hoạch sử dụng và dự thảo phương án giao đất, đánh giá tác động môi trường xã hội (ĐGTĐMTXH) cấp xã từ các kế hoạch và đề xuất giao đất của các thôn/bản.....	40
4.4. Hội thảo cấp xã về kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất, và đánh giá tác động môi trường và xã hội của xã.....	41
5. Bước 5: GĐLN tại thực địa.....	43
5.1. Xác định rõ ranh giới thực địa.....	44
5.2. Xây dựng sơ đồ địa chính GĐLN thôn/bản.....	46
5.3. Viết và gửi tờ trình kế hoạch GĐLN lên UBND xã.....	48
5.4. Triển khai GĐLN tại thực địa.....	48
5.5. Cuộc họp thôn/bản lần 4.....	49
6. Bước 6: Hoàn thiện Bản đồ địa chính và hoàn chỉnh hồ sơ GĐLN (nội nghiệp).....	50
6.1. Hoàn thiện hồ sơ địa chính và hồ sơ giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp.....	51
6.2. Lập tờ trình xin cấp GCNQSDĐ.....	51
7. Bước 7: Thẩm định, phê duyệt, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lưu trữ.....	53
Lưu trữ hồ sơ địa chính và hồ sơ GĐLN	
7.1. Thẩm định hồ sơ địa chính.....	54
7.2. Phê duyệt và cấp GCNQSDĐ.....	54
7.3. Lưu trữ hồ sơ địa chính và hồ sơ GĐLN.....	54
Phụ lục 1: Phân chia trạng thái rừng.....	56
Phụ lục 2: Mẫu đơn đề nghị giao rừng, thuê rừng.....	62

I. LỜI MỞ ĐẦU

Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo quyền sử dụng đất lâm nghiệp và sử dụng tài nguyên rừng của người dân nhằm nâng cao điều kiện sống và cải thiện công tác bảo vệ và quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của chính họ.

Tài liệu hướng dẫn này giới thiệu trình tự các bước và cung cấp những hướng dẫn thực tế, các thủ tục cụ thể trong GĐLN có sự tham gia của người dân cần thiết đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, các nhóm hộ hoặc cho cộng đồng dựa trên cơ sở pháp lý sau:

Luật đất đai 2013;

Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Nghị định 43/2014/NĐ-CP về thi hành luật đất đai;

Thông tư 24/2014/TT-BTNMT quy định về hồ sơ địa chính;

Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014, quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư 23/2014/TT-BTNMT quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Thông tư 38/2007/TT-BNN, ngày 25 tháng 4 năm 2007 về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn;

Thông tư 07/2011/TTLT-BNNPTNT-BTNMT, ngày 29 tháng 01 năm 2011 về việc hướng dẫn một số nội dung về giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, thuê đất lâm nghiệp;

Thông tư 21/VBHN-BNNPTNT, ngày 06 tháng 5 năm 2014, về hướng dẫn trình tự, thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn.

II. CÁC BƯỚC CƠ BẢN TRONG QHSD&GĐLN CÓ SỰ THAM GIA

QHSD&GĐLN có sự tham gia của người dân được tiến hành theo 7 bước, bao gồm:

- Bước 1: Chuẩn bị;
- Bước 2: Đánh giá hiện trạng;
- Bước 3: Lập phương án giao đất thôn/bản;
- Bước 4: Xây dựng kế hoạch sử dụng và phương án giao đất cấp xã;
- Bước 5: Giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp tại hiện trường;
- Bước 6: Hoàn thiện hồ sơ địa chính và hồ sơ giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp;
- Bước 7: Thẩm định, phê duyệt, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng và lưu trữ.

Bước 1: Chuẩn bị

Các hoạt động trong bước 1:

- Chuẩn bị về mặt tổ chức và hành chính
- Thu thập và phân tích các tài liệu và bản đồ hiện có
- Tập huấn cho các thành viên tổ công tác cấp xã
- Họp xã triển khai hoạt động QHSD&GĐLN, xác định vùng đất dự kiến giao của mỗi thôn/bản và lập kế hoạch cho việc thực hiện QHSD&GĐLN cấp xã và chuẩn bị các vật tư cần thiết

1.1. Chuẩn bị về mặt tổ chức và hành chính

a) Thành lập Ban chỉ đạo QHSD&GĐLN cấp huyện

Chủ tịch UBND huyện ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo huyện về QHSD&GĐLN.

* Ban chỉ đạo bao gồm các thành viên:

- Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND huyện - Trưởng ban
- Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện - Phó ban
- Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch - Ủy viên
- Hạt trưởng hạt kiểm lâm - Ủy viên
- Trưởng phòng Nông nghiệp - Ủy viên
- Trưởng ban quản lý dự án xã - Ủy viên
- Cán bộ dự án huyện - Ủy viên
- Trưởng phòng Tư pháp - Ủy viên



* *Nhiệm vụ cụ thể của Ban chỉ đạo cấp huyện:*

- Đại diện cho UBND huyện về việc chỉ đạo công tác Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân cho các xã thực hiện dự án trong huyện;

- Giám sát quá trình triển khai QHSD&GĐLN có sự tham gia của người dân;

- Cử cán bộ kỹ thuật của huyện tham gia TCT cấp xã;

- Phối hợp và liên kết các hoạt động giữa các cơ quan cấp tỉnh, huyện và cấp xã trong quá trình quy hoạch sử dụng đất và giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp;

- Chỉ đạo, hướng dẫn cho các cán bộ chuyên môn và các xã;

- Làm rõ các địa giới và giải quyết các tranh chấp về địa giới giữa các xã và các tổ chức trong huyện.

Ban chỉ đạo huyện về QHSD&GĐLN làm tham mưu cho UBND huyện và chịu trách nhiệm trước UBND huyện về các kết quả quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp, các thủ tục đăng ký đất đai và cấp GCNQSDĐ.

b) Thành lập Hội đồng tư vấn đất đai xã và tổ công tác cấp xã

Hội đồng tư vấn đất đai (HĐTVĐĐ) xã

Mỗi xã thành lập một HĐTVĐĐ xã do chủ tịch UBND xã ra quyết định nhằm giúp UBND xã chỉ đạo thực hiện QHSD&GĐLN.

* *Thành phần bao gồm:*

- Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND xã - Chủ tịch

(kiêm trưởng ban dự án xã)

- Chủ tịch Mặt trận tổ quốc xã - Phó chủ tịch

- Thường trực Hội đồng nhân dân xã - Ủy viên

- Cán bộ địa chính xã - Ủy viên

- Trưởng các thôn/bản nơi thực hiện giao đất - Ủy viên

- Kiểm lâm viên địa bàn - Ủy viên

- Cán bộ lâm nghiệp xã - Ủy viên
- Cán bộ tư pháp xã - Ủy viên
- Cán bộ dự án xã - Ủy viên
- Hội phụ nữ xã - Ủy viên
- Đại diện hội nông dân, đoàn thanh niên - Ủy viên

* *Nhiệm vụ của HĐTVĐĐ xã:*

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất và GĐLN ở xã;
- Phổ biến chủ trương chính sách về GĐLN cho các thôn/bản;
- Giải quyết vướng mắc, tranh chấp địa giới và thủ tục khi thực hiện GĐLN ở các thôn/bản.

Tổ công tác (TCT) xã

TCT xã có trách nhiệm thực hiện chuyên môn QHSD&GĐLN tại xã. UBND huyện ra quyết định thành lập các TCT của các xã thuộc vùng dự án.

* *Thành phần của TCT xã bao gồm:*

- Chủ tịch/Phó Chủ tịch xã - Tổ trưởng
- Cán bộ phòng Tài nguyên Môi trường huyện - Tổ phó
- Cán bộ địa chính xã - Ủy viên
- Cán bộ phòng nông nghiệp - Ủy viên
- Kiểm lâm địa bàn - Ủy viên
- Cán bộ dự án - Ủy viên
- Trưởng thôn/bản - Ủy viên

Khi thực hiện công tác giao đất đến địa bàn thôn/bản nào thì mời trưởng thôn/bản, đại diện các xóm và các nhóm hộ gia đình trong thôn/bản tham gia.

* *Nhiệm vụ của TCT xã:*

- Xây dựng kế hoạch QHSD&GĐLN các thôn/bản trong xã;

- Thực hiện QHSD&GĐLN ở thực địa;
- TCT giúp cho HĐTVĐĐ xã thực hiện nhiệm vụ giải quyết những vướng mắc trong quá trình GĐLN;
- Lập hồ sơ, bản đồ, thủ tục và thực hiện GĐLN.

1.2. Thu thập và phân tích các tài liệu và bản đồ hiện có

Thu thập các tài liệu ở cấp huyện và xã có liên quan như:

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, kế hoạch của các ban, ngành trên địa bàn huyện, tài liệu của các chương trình/dự án liên quan của Nhà nước được thực hiện trên địa bàn;

- Các loại bản đồ của huyện, xã như: bản đồ địa giới hành chính (bản đồ 364), bản đồ hiện trạng sử dụng đất mới nhất (theo Thông tư số 28/2004/TT-BTNMT), bản đồ địa chính giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp và bản đồ và hồ sơ giao rừng tới thời điểm tiến hành, bản đồ nền địa hình, bản đồ quy hoạch sử dụng rừng hiện có và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể của huyện và xã (nếu có), bản đồ quy hoạch ba loại rừng mới nhất. Đây là những bản đồ rất cần thiết cho việc thực hiện QHSD&GĐLN tại thực địa;



- Các văn bản chính sách, quy định của Nhà nước liên quan như: Luật đất đai 2013; Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Nghị định 43/2014/NĐ-CP về thi hành luật đất đai; Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên Môi trường về quy định về hồ sơ địa chính; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014; Thông tư quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư 23/2014/TT-BTNMT quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Các thông tin về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã gồm (ví dụ như mức sống, sự nghèo đói, thành phần dân tộc, lao động, dân trí v.v...);
- Tổng hợp các dữ liệu về hiện trạng và sự thay đổi các loại đất và tình hình sử dụng đất (bao gồm cả đất nông nghiệp và đất ở);
- Các thông tin được thu thập sẽ được tổng hợp thành một báo cáo trình lên Ban chỉ đạo QHSD&GĐLN huyện. Một cuộc họp sau đó sẽ được tổ chức giữa HĐTVĐĐ xã, Ban chỉ đạo huyện và TCT cấp xã để rà soát các tài liệu và bản đồ hiện có nhằm đánh giá chất lượng các tài liệu, bản đồ, xác định các điểm mạnh và yếu trong việc quản lý sử dụng đất lâm nghiệp ở xã làm cơ sở cho việc QHSD&GĐLN ở xã.

1.3. Tập huấn cho các thành viên TCT cấp xã

QHSD&GĐLN có sự tham gia của người dân là một quy trình phức tạp và bao gồm nhiều bước khác nhau. Vì thế cần triển khai thực hiện quy trình một cách chi tiết và thận trọng áp dụng bảy nguyên tắc cơ bản. Vì vậy, các thành viên của TCT cấp xã cần được tập huấn QHSD&GĐLN có sự tham gia của người dân. Nội dung tập huấn là giới thiệu về quá trình QHSD&GĐLN, các bước, các công cụ và kỹ năng thực hiện ở hiện trường.

Việc tập huấn cho TCT xã sẽ do các cán bộ chuyên môn đã được đào tạo tiểu giáo viên và đã qua thực tế QHSD&GĐLN ở xã thí điểm đảm nhiệm với sự hỗ trợ của các giảng viên có kinh nghiệm đào tạo lớp tiểu giáo viên về QHSD&GĐLN.

Nội dung tập huấn bao gồm:

- Các nguyên tắc cơ bản của QHSD&GĐLN có sự tham gia của người dân và áp dụng thực tiễn;
- Các bước, hoạt động và thủ tục trong quá trình QHSD&GĐLN;
- Các chính sách và nghị định liên quan đến QHSD&GĐLN;
- Hướng dẫn các kỹ năng tổ chức các cuộc họp thôn/bản, các công cụ PRA (nhất là các công cụ lập sơ đồ hiện trạng sử dụng đất, sơ đồ giao đất (đắp sa bàn với sự hỗ trợ của ảnh vệ tinh, ảnh máy bay), phân loại kinh tế hộ và các mẫu biểu);
- Hướng dẫn sử dụng hệ thống định vị toàn cầu và phần mềm hệ thống thông tin địa lý trong biên tập và chỉnh lý bản đồ.

Trong khi tập huấn, TCT xã với sự hỗ trợ và hướng dẫn của cán bộ chuyên môn sẽ tiến hành thực hành tại một thôn/bản. Việc thực hành QHSD&GĐLN của một thôn/bản sẽ mất khoảng 2 - 3 ngày.



1.4. Hợp xã triển khai hoạt động QHSD&GĐLN, xác định vùng đất dự kiến giao của mỗi thôn/bản và lập kế hoạch cho việc thực hiện QHSD&GĐLN cấp xã và chuẩn bị các vật tư cần thiết

Tổ chức một cuộc họp tại xã để triển khai các hoạt động về QHSD&GĐLN. Với sự tham gia của các thành viên của TCT QHSD&GĐLN, HĐTVĐĐ, đại diện nông dân (già làng, chủ trang trại...), đại diện tổ chức, cá nhân được tình giao, cho thuê đất trên địa bàn xã.

Cuộc họp này sẽ giới thiệu, thực hiện các nội dung chính sau:

a) Giới thiệu về các chính sách của tỉnh, huyện và nhà nước về QHSD&GĐLN, mục tiêu và hoạt động của dự án, các quyền lợi và trách nhiệm của người dân trong quá trình QHSD&GĐLN. Các quy hoạch tổng thể về sử dụng đất của huyện, xã (nếu đã có) sẽ được trình bày tại cuộc họp. Các ý kiến đề nghị về việc tận dụng các loại đất khác nhau sẽ được đưa ra thảo luận.



b) Xác định vùng đất dự kiến giao cho mỗi thôn/bản

Thôn/bản không phải là đơn vị hành chính, thường chưa có ranh giới quản lý đất theo từng thôn/bản. Cần xác định ranh giới giữa các thôn/bản trong xã và các chủ quản lý hiện có để tránh tình trạng tranh chấp đất về sau và để làm cơ sở xác định sơ bộ vùng đất dự kiến giao cho mỗi thôn/bản. Căn cứ để xác định ranh giới thôn/bản dựa vào ranh giới Bản đồ 364 của xã, dựa vào lịch sử sử dụng đất, tập quán sử dụng đất của thôn/bản và được người dân trong thôn/bản công nhận. Việc xác định ranh giới thôn/bản được xác định sơ bộ tại cuộc họp với sự thống nhất của các trưởng thôn/bản, TCT cấp xã và cán bộ xã. Từ bản đồ ranh giới sơ bộ các thành viên sẽ họp bàn xác định các vùng đất dự kiến sẽ giao cho từng thôn/bản. Sơ đồ địa hình thôn/bản đã phác thảo ranh giới sẽ được đem xuống các cuộc họp thôn/bản để trình bày và cùng người dân thôn/bản kiểm tra ở thực địa, bổ sung các điểm địa hình, địa vật, điền tên các địa danh để tất cả người dân trong thôn/bản có thể nhận biết ranh giới thôn/bản của họ. Sau đó sẽ tiến hành các hoạt động tiếp theo của QHSD&GĐLN là xác định hiện trạng sử dụng đất cũng như xây dựng quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản và phương án giao đất.

Nếu xã đã có các bản đồ ảnh chụp từ máy bay, hoặc vệ tinh mới nhất, đã được kiểm tra, đối chiếu tại thực địa và được chính quyền tỉnh phê duyệt thì cần sử dụng bản đồ này trong các bước chuẩn bị các bản đồ chi tiết (có tỷ lệ ít nhất là 1:5.000). Cần thiết phải có ba bản sao của sơ đồ mỗi thôn/bản để dùng cho các hoạt động lập kế hoạch sử dụng đất trong các bước tiếp theo.

c) Lập kế hoạch hoạt động QHSD&GĐLN cấp xã và chuẩn bị vật tư cần thiết

Sau khi tập huấn, TCT xã tiến hành lập các kế hoạch QHSD&GĐLN chi tiết, nêu rõ tất cả các hoạt động liên quan đến việc thực hiện QHSD&GĐLN, bao gồm khung thời gian và ngân sách thực hiện tại từng thôn/bản cụ thể. Kế hoạch này cũng dự kiến những công việc tổ chức thực hiện và

làm rõ việc QHSD&GĐLN tại các thôn/bản sẽ được triển khai theo hình thức cuốn chiếu hay là cùng một thời điểm (TCT xã sẽ chia thành nhiều nhóm để triển khai QHSD&GĐLN tại các bản cùng một thời điểm). Kế hoạch hoạt động này sẽ được trình bày và thống nhất tại cuộc họp xã, sau đó chỉnh sửa và gửi lên cho xã, để xem xét và phê duyệt.

Tất cả các vật tư thực hiện quá trình QHSD&GĐLN được chuẩn bị sẵn trước khi triển khai QHSD&GĐLN tại thực địa, như văn phòng phẩm, bản sao của các tài liệu, bản đồ, ảnh máy bay/ vệ tinh (ví dụ ảnh Spot 5), địa bàn cầm tay, các máy GPS, v.v...

Các kết quả đầu ra của Bước 1: Chuẩn bị

- Biên bản thành lập các Ban chỉ đạo và TCT các cấp (huyện và xã)
- Các tài liệu và bản đồ liên quan và báo cáo đánh giá tài liệu hiện có
- Bản đồ xã thể hiện ranh giới khu vực đất dự kiến giao trên địa bàn xã
- Biên bản họp xã và kế hoạch hoạt động QHSD&GĐLN cho các thôn/bản trong xã





Bước 2: Đánh giá hiện trạng

Các hoạt động trong Bước 2:

- Tổ chức họp thôn/bản lần 1
- Đánh giá thực trạng kinh tế xã hội và tình hình sử dụng đất lâm nghiệp thôn/bản
- Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản

2.1. Họp thôn/bản lần 1

Tổ chức cuộc họp thôn/bản lần 1 để bắt đầu triển khai quá trình QHSD&GĐLN có sự tham gia. Điều quan trọng là đại diện tất cả các hộ gia đình trong thôn/bản (trong đó ít nhất 30% là phụ nữ) nên tham gia cuộc họp này. Cuộc họp sẽ được tổ chức trong một buổi, với các mục tiêu:

- Giải thích các mục tiêu, nội dung và trình tự các bước của QHSD&GĐLN có sự tham gia;
- Giới thiệu các chính sách liên quan đến QHSD&GĐLN cho người dân, đặc biệt là về nghĩa vụ, quyền lợi của các hộ được nhận đất nhận rừng;
- Trình bày kế hoạch QHSD&GĐLN có sự tham gia của người dân tại thôn/bản liên quan;
- Đề xuất các cơ chế phân chia đất cho các hộ nghèo thiếu đất thuộc đối tượng mục tiêu của dự án;
- Tuyên truyền, vận động các hộ có nhiều đất lâm nghiệp đã nhận chuyển nhượng lại một phần diện tích cho các hộ nghèo khác chưa có hoặc có quá ít. Với phương châm "lá lành đùm lá rách", hay "Tương thân tương ái"...
- Chọn một số người dân đại diện trong thôn/bản để hỗ trợ trong quá trình QHSD&GĐLN trên địa bàn thôn/bản.

Cuộc họp này do TCT phối hợp với cán bộ chuyên môn tổ chức. Vì đây là cuộc họp quan trọng nên việc chuẩn bị phải được tiến hành kỹ. TCT cần thảo luận với trưởng thôn/bản về nội dung cuộc họp và chuẩn bị chương trình cụ thể.

Ví dụ, trưởng thôn/bản đảm nhận phần giới thiệu về nội dung còn cán bộ kỹ thuật sẽ trình bày về các mục tiêu, hoạt động và thủ tục trong quá trình QHSD&GĐLN, các phương án GĐLN, các chính sách liên quan đến QHSD&GĐLN và quyền lợi, nghĩa vụ của người dân được nhận đất nhận rừng. Trưởng thôn/bản trình bày kế hoạch QHSD&GĐLN cho toàn thôn/bản được biết và hướng dẫn lựa chọn khoảng 6 - 8 đại diện người dân (bắt buộc có thành phần hộ nghèo chưa có đất) trong

thôn/bản để hỗ trợ TCT lập kế hoạch QHSD&GĐLN.

Các đại diện chủ chốt của thôn/bản cần được lựa chọn kỹ, dựa trên các chỉ tiêu như sau:

- Nằm rõ tình hình thôn/bản;
- Được người dân trong thôn/bản tôn trọng;
- Năng động và sẵn sàng tham gia;
- Đại diện cho các nhóm khác nhau trong bản (có cả nam giới và phụ nữ, già và trẻ, các hộ giàu, nghèo và từng cụm dân cư).

Cuộc họp cần tạo ra đủ cơ hội cho người dân, ưu tiên người nghèo đưa ra các câu hỏi, thắc mắc liên quan đến công tác QHSD&GĐLN, nên cử một thành viên trong TCT viết biên bản cuộc họp.



2.2. Đánh giá thực trạng kinh tế xã hội và tình hình sử dụng ĐLN thôn/bản

Các hoạt động đánh giá tình hình thôn/bản bao gồm:

- Lập sa bàn, sơ đồ thôn/bản và thảo luận hiện trạng sử dụng đất và ranh giới hành chính xã, thôn/bản và ranh giới các loại đất loại rừng trên sa bàn, sơ đồ hoặc ảnh máy bay hoặc ảnh SPOT 5 (tỷ lệ 1:5.000);
- Phân loại kinh tế hộ (PRA), phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường;
- Phân tích hiện trạng sử dụng đất theo loại kinh tế hộ.

Sử dụng bản đồ từ ảnh máy bay/vệ tinh (có tỷ lệ 1:5.000)/sa bàn thôn/bản thể hiện hình ảnh thôn/bản thu nhỏ để cùng người dân thảo luận về hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản và lập sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản. Những đặc điểm thông tin thể hiện trên ảnh hoặc sa bàn thể hiện đường xá, địa hình, khu dân cư, sông suối, đất nông nghiệp, khu vực chăn thả gia súc, đất trồng rừng/rừng trồng, đất trống đồi núi trọc, diện tích rừng được thể hiện bằng những ký hiệu và màu sắc khác nhau. Đặc biệt, hiện trạng sử dụng đất ở khu vực dự kiến giao đất cần được thảo luận kỹ. Sơ đồ này được thảo luận và đối chiếu với bản đồ địa chính, bản đồ lâm nghiệp của xã hiện có để hoàn thiện bản đồ hiện trạng sử dụng đất.



Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường bao gồm: việc phân loại kinh tế hộ có sự tham gia của người dân nhằm xác định các hộ gia đình là đối tượng hưởng lợi của dự án; phân tích hiện trạng và tình hình sử dụng đất theo nhóm kinh tế hộ; so sánh, đối chiếu tình hình sử dụng đất hiện tại và tiềm năng sử dụng đất sau này, giúp cho việc quyết định về những phương án sử dụng đất ưu tiên trong tương lai. Phân tích xu hướng sử dụng đất bao gồm mô tả vắn tắt về diễn biến tình hình sử dụng đất trong 5 - 10 năm trước đó.



2.3. Lập bản đồ và báo cáo hiện trạng sử dụng đất¹

Sau khi hoàn thành khảo sát thực địa, đơn vị tư vấn phối hợp với TCT xã để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng ĐLN và báo cáo hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản dựa vào kết quả phân tích ảnh vệ tinh hoặc sa bàn, sơ đồ thôn/bản có sự tham gia của người dân. Các thông tin nên đưa vào bản đồ là ranh giới đất thuộc sự quản lý của các đối tượng khác nhau trên địa bàn thôn/bản, diện tích các loại đất ở khu vực được sử dụng cho các mục đích khác nhau như được quy định trong Luật đất đai sửa đổi và Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Báo cáo về hiện trạng sử dụng đất đi kèm bản đồ cần có các thông tin về:

- Các loại đất khác nhau, diện tích, hiện trạng sử dụng cho các mục đích khác nhau đối với mỗi loại hình sử dụng;
- Thực trạng sử dụng đất và các vấn đề có liên quan của người dân (tập trung phân tích theo nhóm kinh tế hộ và khu vực dự kiến giao đất);
- Diễn biến thay đổi việc sử dụng đất trong 5 - 10 năm trước đó;
- Phân tích diễn biến thay đổi việc sử dụng đất đối với mỗi loại hình sử dụng trong 5 năm qua;
- Tiềm năng và cơ hội trong việc sử dụng đất trong tương lai, hướng đến nâng cao công tác quản lý tài nguyên theo hướng bền vững.

¹Việc kiểm kê rừng và tính toán trữ lượng rừng để làm cơ sở giao rừng được tách riêng và phải do đơn vị tư vấn có chức năng thực hiện và do dự án lựa chọn (theo hướng dẫn của thông tư 38/2007/TT-BNN). Trong sơ đồ và báo cáo hiện trạng sử dụng đất của thôn đối với diện tích đất có rừng chỉ xác định các loại rừng, diện tích và trạng thái.

Các kết quả đầu ra của Bước 2:

Đánh giá hiện trạng

- Biên bản cuộc họp thôn/bản lần 1
- Kết quả đánh giá thực trạng kinh tế xã hội và tình hình sử dụng đất lâm nghiệp
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản



3.1. Chuẩn bị lập kế hoạch GĐLN của xã

Sau khi kế hoạch sử dụng và phương án GĐLN của xã đã được phê duyệt, đơn vị tư vấn phối hợp với TCT cấp xã cùng với một số người dân đại diện bắt đầu chuẩn bị để xây dựng kế hoạch GĐLN. Cụ thể:

- Chuẩn bị kế hoạch GĐLN cấp xã, thôn/bản (nội dung công việc, diện tích đất dự kiến giao, trình tự, thời gian, kinh phí, vật tư, bố trí nhân lực .v.v.);
- Dự kiến số hộ, nhóm hộ, cộng đồng sẽ nhận đất nhận rừng tại từng khu vực;
- Xây dựng các tiêu chí GĐLN;
- In sao mảnh bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản để sử dụng làm bản đồ nền cho công tác ngoại nghiệp.

Lưu ý: Theo Điều 22 Nghị định 23/2006/ND-CP, diện tích tối đa được giao cho từng hộ gia đình không được quá 30 ha.



Bản đồ hiện trạng sử dụng đất phải đề cập rõ các diện tích và trạng thái rừng đã được lập trong Bước 2. Nên sử dụng các loại bút chì màu để bổ sung và phân biệt rõ các đặc trưng địa lý trên bản đồ nền như sông, suối, đò, núi... Cần lập bản đồ càng chi tiết càng tốt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác ngoại nghiệp.

Kế hoạch GĐLN của xã cần đề cập đến trình tự các thôn/bản sẽ tiến hành GĐLN và khung thời gian thực hiện của mỗi thôn/bản.

TCT và đại diện người dân trong thôn/bản sẽ dự kiến số hộ gia đình cá nhân, số nhóm hộ, cộng đồng được nhận đất nhận rừng. Việc kiểm tra trên thực địa giúp đưa ra những con số dự kiến phù hợp. Những con số dự kiến sẽ được thảo luận và thống nhất trong cuộc họp thôn/bản.

Các tiêu chí để GĐLN và xác định các đối tượng GĐLN có đủ điều kiện để nhận đất nhận rừng, xác định địa điểm và diện tích đất sẽ được giao như:

- Mục tiêu và đối tượng ưu tiên của dự án;
- Vị trí của hộ gia đình;
- Các hoạt động lâm nghiệp đã triển khai tại từng khu vực;
- Mức độ thu nhập phụ thuộc vào đất lâm nghiệp, rừng;
- Số lao động chính và lao động phụ.

Những tiêu chí này sẽ được thảo luận thêm trước khi đi đến thống nhất trong cuộc họp thôn/bản. Thường thì số lao động chính và lao động phụ trong gia đình được xem là một tiêu chí quan trọng vì công tác bảo vệ và phát triển rừng đòi hỏi nhiều công lao động. Đặc biệt là người nghèo, đối tượng thường hạn chế về nguồn lực lao động và sống chủ yếu phụ thuộc vào nguồn tài nguyên rừng. Vì thế, không nên tách những hộ này ra khỏi tiêu chuẩn các hộ được nhận đất nhận rừng nếu không họ sẽ có nguy cơ ngày càng nghèo đi.

3.2. Cuộc họp thôn/bản lần 2

Tất cả các hộ có dự kiến nhận đất lâm nghiệp cần tham gia cuộc họp thôn/bản lần 2. Cuộc họp này sẽ được tổ chức trong một buổi, với các mục tiêu sau đây:

- Trình bày kế hoạch sử dụng đất và phương án giao đất đã được phê duyệt, kế hoạch giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp dự kiến của xã (nhấn mạnh cho thôn/bản đang họp);
- Nêu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của việc nhận đất rừng;
- Thống nhất số hộ và nhóm hộ dự kiến được nhận đất nhận rừng tại từng khu vực;
- Thống nhất các tiêu chí GĐLN, cơ chế giao đất và chia sẻ đất giữa các hộ;
- Phát mẫu đơn xin nhận đất;
- Thống nhất về phần đóng góp của người dân trong giao đất giao rừng tại thực địa.



3.3. Lập và phê duyệt danh sách các hộ gia đình đủ điều kiện nhận đất nhận rừng

TCT sẽ tổng hợp tất cả các đơn xin nhận đất rừng và lập danh sách các hộ đăng ký xin nhận đất rừng. Danh sách đăng ký cũng cần tổng hợp số lao động chính và lao động phụ của các hộ nhằm tạo thuận lợi cho việc lập danh sách các hộ có đủ điều kiện nhận đất nhận rừng.

TCT sẽ lập danh sách các hộ gia đình và các nhóm hộ có đủ và không có đủ điều kiện nhận đất nhận rừng, sau đó sẽ xem xét danh sách các hộ gia đình, cá nhân đăng ký nhận đất rừng và thảo luận với các hộ này về khả năng GDLN cho từng hộ. Phụ thuộc vào các tiêu chí lựa chọn, cơ chế giao đất TCT sẽ xem xét vị trí hộ gia đình, khả năng tiếp cận đất rừng, mức độ phụ thuộc của hộ vào đất rừng, trạng thái rừng, nguồn lực sẵn có của hộ gia đình để xác định diện tích và vị trí đất rừng sẽ được giao. Danh sách những hộ đủ điều kiện bao gồm tên chủ hộ, diện tích dự kiến được giao, trạng thái rừng, địa điểm và mục đích sử dụng (theo hướng dẫn của Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất).



TCT sẽ trình các danh sách lên UBND xã để phê duyệt. Sau khi phê duyệt danh sách các hộ đủ điều kiện, UBND xã sẽ niêm yết công khai danh sách các hộ và nhóm hộ đủ điều kiện và không đủ điều kiện nhận đất nhận rừng tại UBND xã và nhà trưởng thôn/bản theo quy định hiện hành. Danh sách sẽ được thông báo công khai trong vòng 15 ngày để người dân có cơ hội xem kết quả và đưa ra kiến nghị.

3.4. Họp với các hộ sẽ nhận đất nhận rừng trong cùng một khoảnh, tiểu khu

Sau khi có danh sách cuối cùng về những hộ đủ điều kiện nhận đất rừng, người dân sẽ biết được họ sẽ được nhận đất nhận rừng tại tiểu khu nào. Tuy nhiên lại chưa biết rõ vị trí của lô đất/rừng được nhận. Vì thế TCT cần tổ chức một cuộc họp với tất cả các hộ gia đình sẽ được nhận đất nhận rừng trong cùng một tiểu khu để thảo luận những nội dung sau:

- Vị trí các lô đất;
- Phương pháp phân chia lô;
- Cách tiến hành phân lô.

Các lô rừng trong cùng một tiểu khu có khi khác nhau về trạng thái hoặc khả năng tiếp cận nên thường dẫn đến tình trạng nhiều hộ gia đình cùng thích một số lô rừng trong khi không hộ nào quan tâm đến các lô rừng khác. Vì thế điều quan trọng là phải thống nhất được cách phân lô. Các cách phân lô bao gồm:

Thảo luận: Đây là cách tốt nhất để phân chia đất rừng. Thảo luận chỉ là điểm khởi đầu nhưng thường thì chỉ thảo luận thôi chưa đủ để đi đến thống nhất.

Phân chia đồng đều: Cách này thường dẫn đến kết quả là các lô được phân rất hẹp, có diện tích bằng nhau và trạng thái rừng như nhau nhưng khó quản lý. Cách này chỉ phù hợp đối với các hộ sống hai bên đường và có những lô, dải đất không quá dài, quá hẹp.

Bốc thăm: Bốc thăm là một phương án chia lô mà các hộ gia đình đều có quyền được nhận đất nhận rừng. Tuy nhiên, khi áp

dụng phương án này thì có thể dẫn đến tình huống là hầu hết các hộ gia đình đều không hài lòng với kết quả đã bốc. Vì thế, cần cho phép các hộ trao đổi kết quả bốc thăm khi hai bên đã đồng ý.

Hình thức kết hợp: Đây là hình thức kết hợp tất cả những hình thức phân lô đã đề cập trên đây. Hầu hết trong mọi trường hợp hợp thì đây là hình thức hay nhất. Đầu tiên cần xác định mối liên hệ hiện có giữa các hộ và đất sẽ được giao về mặt khả năng tiếp cận và những hoạt động lâm nghiệp đã được triển khai. Cần tránh những trường hợp có hộ này nhận được diện tích đất lâm nghiệp ở sau vườn nhà của hộ kia hoặc có hộ được giao lô đất nơi hộ khác đã đầu tư trồng rừng. Vì thế, cần thảo luận để thống nhất trong khi giao một số lô. Sau đó, tùy vào tình hình cụ thể mà có thể áp dụng cách giao theo hình thức bốc thăm hoặc phân lô đồng đều. Nên xem xét và tôn trọng cách phân chia lô đất do bản thân các hộ trong thôn/bản thống nhất để tránh xung đột.

(Thực tế GĐLN cho thấy: tình trạng một gia đình có nhiều lô rừng ở nhiều nơi, thiếu tập trung, khó đầu tư, khó quản lý bảo vệ, nhiều ranh giới...)



3.5. Xây dựng sơ đồ GĐLN của thôn/bản


Cùng với sự hỗ trợ của cán bộ chuyên môn, đơn vị tư vấn sẽ lập sơ đồ GĐLN và danh sách kèm theo cho từng khu vực đất lâm nghiệp theo cách mô tả ở trên. TCT sẽ phác thảo tất cả các thông tin cần thiết lên mảnh bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thôn/bản, chỉ rõ địa điểm và tên các hộ. Các hoạt động liên quan đến tính toán diện tích của mỗi lô và tiến hành giao các lô sẽ được giới thiệu trong bước tiếp theo.

Các kết quả đầu ra của Bước 3:

Lập kế hoạch GĐLN của thôn/bản

- Biên bản cuộc họp thôn/bản lần 2
- Đơn xin nhận đất rừng
- Danh sách các hộ đăng ký xin nhận đất rừng
- Danh sách các hộ có đủ điều kiện và không đủ điều kiện được giao đất rừng
- Sơ đồ GĐLN thôn/bản





Bước 4: Xây dựng kế hoạch sử dụng và phương án giao đất cấp xã

Các hoạt động trong Bước 4:

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất và phương án giao đất của thôn/bản (bản thảo)
- Tổ chức cuộc họp thôn/bản lần 3 và hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản
- Lập kế hoạch sử dụng và dự thảo phương án giao đất, đánh giá tác động môi trường và xã hội cấp xã từ các kế hoạch và đề xuất giao đất của các thôn/bản
- Hội thảo cấp xã về kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất, và đánh giá tác động môi trường và xã hội của xã

Kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để xây dựng phương án GĐLN và triển khai GĐLN tại thực địa. Vì thế, cần tiến hành các bước QHSDD một cách cẩn thận nhằm tránh được những tranh chấp sau này. Kế hoạch sử dụng đất có thể xác định dựa trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kết quả phân tích các điều kiện kinh tế - xã hội và môi trường của thôn/bản, các xu hướng sử dụng đất đã được xác định. QHSDD có thể được hiểu như sau:

"QHSDD là đánh giá một cách có hệ thống về tiềm năng đất đai và các phương án sử dụng đất nhằm sử dụng đất một cách bền vững, hướng đến cải thiện công tác quản lý đất đai và nâng cao điều kiện kinh tế và xã hội của địa phương. QHSDD có sự tham gia của người dân được triển khai với một loạt các bước có trình tự và được dựa trên cơ sở trao đổi và đồng thuận về lợi ích của tất cả các bên có liên quan".

4.1. Xây dựng dự thảo kế hoạch sử dụng và phương án giao đất của thôn/bản (bản thảo)

TCT xã sẽ hỗ trợ các thành viên đại diện chủ chốt của thôn/bản dự thảo kế hoạch sử dụng đất và đề xuất phương án giao đất của chính thôn/bản đó. Các hoạt động liên quan bao gồm:

- Xác định các mục tiêu tổng thể và các mục tiêu cụ thể để đạt được công tác sử dụng và quản lý đất đai bền vững, tăng cường việc quản lý đất đai và cải thiện điều kiện kinh tế, xã hội trong thôn/bản;
- Lựa chọn các phương án sử dụng đất phù hợp và xác định diện tích và địa điểm sẽ áp dụng mỗi phương án sử dụng;
- Xác định diện tích và địa điểm đất rừng được đề xuất để giao cho các hộ cá thể, các nhóm hoặc cho cộng đồng dân cư thôn/bản;
- Đề xuất hướng giao đất của thôn/bản (giao ở khu vực nào?, diện tích là bao nhiêu?, đối tượng được giao đất chính là nhóm hộ nào?, cho khoảng bao nhiêu hộ? và mục đích sử dụng chính của các khu vực dự kiến giao là gì?,...).



Mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể được xác định cho thôn/bản cần phải dựa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã và các kế hoạch của các ban, ngành, tổ chức khác nhau đối với tất cả các loại hình sử dụng đất theo quy định của Nhà nước. Mục tiêu cụ thể đặt ra cho thôn/bản cần phải tuân thủ luật định, ví dụ, mục tiêu cụ thể đối với thôn/bản cần dựa theo từng loại đất rừng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng). Diện tích ba loại rừng này do cấp tỉnh xác định. Chỉ có thể giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp, đất rừng sản xuất cho các cá nhân, hộ gia đình hoặc nhóm hộ và cộng đồng; còn rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sự quản lý của các Ban quản lý liên quan.

Các phương án sử dụng đất phù hợp cần được lựa chọn đối với mỗi diện tích dựa trên kết quả phân tích điều kiện và kinh tế - xã hội và môi trường cũng như đánh giá trạng thái rừng, hiện trạng sử dụng đất, mục tiêu phát triển tổng thể và mục tiêu phát triển cụ thể đã được xác định. Đặc biệt cần chú ý đến nhu cầu của người dân trong sử dụng đất nông nghiệp và các loại đất khác. Tất cả các phương án sử dụng đất cần được xem xét và đánh giá một cách chi tiết để xác định phương án tối ưu nhất, đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương.

Cần đánh giá lại kết quả giao đất giao rừng đã được giao trước đây. Nếu thực tế sử dụng đất được giao khác với mục đích sử dụng đã xác định ban đầu thì cần đưa ra các giải pháp để khắc phục tình trạng này. Có các hình thức giao đất rừng chính như sau:

- Giao cho cá nhân, hộ gia đình;
- Giao cho các nhóm hộ gia đình;
- Giao cho cộng đồng dân cư thôn/bản.

Phương án phù hợp nhất tùy thuộc vào từng tình hình cụ thể, đặc điểm văn hóa cũng như vị trí đất rừng, xem bảng dưới đây.

Bảng 1: Thuận lợi, khó khăn và những điều kiện phù hợp của mỗi hình thức giao đất giao rừng

	Người hưởng lợi từ GĐLN		
	Các hộ gia đình	Các nhóm hộ	Cộng đồng thôn/bản
Thuận lợi	<ul style="list-style-type: none"> • Lợi ích và trách nhiệm rõ ràng • Rất quan tâm để đầu tư nguồn lực vào diện tích ĐLN được giao 	<ul style="list-style-type: none"> • Việc xác định ranh giới khá dễ dàng • Bảo vệ chung • Giảm được chi phí đối với các hoạt động quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> • Việc xác định ranh giới khá dễ dàng • Bảo vệ chung • Giảm được chi phí đối với các hoạt động quản lý
Khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> • Khó khăn trong việc bảo vệ • Khó xác định và duy trì ranh giới 	<ul style="list-style-type: none"> • Chia sẻ trách nhiệm và lợi ích chung • Ít quan tâm đầu tư nguồn lực vào việc phát triển, bảo vệ và quản lý 	<ul style="list-style-type: none"> • Chia sẻ trách nhiệm và lợi ích chung • Ít quan tâm đầu tư nguồn lực vào việc phát triển, bảo vệ và quản lý
Các điều kiện phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> • Những diện tích gần khu dân cư • Những lô đất có diện tích tương đối hẹp 	<ul style="list-style-type: none"> • Khá xa khu dân cư • Các lô giao có diện tích lớn hơn • Giữa các thành viên trong nhóm có quan hệ, cam kết chặt chẽ • Diện tích rừng trong thôn/bản hạn chế • Diện tích rừng có nguồn tài nguyên phục vụ lợi ích chung của cả nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> • Khá xa khu dân cư • Các lô giao có diện tích lớn hơn • Người dân trong thôn/bản có quan hệ, cam kết chặt chẽ • Diện tích rừng trong thôn/bản hạn chế • Diện tích rừng có nguồn tài nguyên thuộc mối quan tâm chung của cả cộng đồng dân cư thôn/bản • Tính cần thiết phải bảo vệ diện tích rừng hiện có cho các nhóm chịu thiệt thòi, cho các thế hệ sau và cho người nhập cư

Ưu điểm của việc GĐLN cho từng hộ gia đình là tính trách nhiệm và lợi ích rõ ràng. Điều này khuyến khích người dân đầu tư nguồn lực vào diện tích rừng được giao. Hạn chế của phương án này là nó đòi hỏi nhiều công sức trong việc xác định và duy trì ranh giới giữa các lô và bảo vệ diện tích đã giao. Còn ưu điểm chính của phương án giao đất giao rừng cho từng nhóm hộ hoặc thôn/bản là xác định ranh giới tương đối dễ dàng (hoặc tận dụng đặc điểm tự nhiên hiện có để làm ranh giới) và giảm được những đầu tư đầu vào cần thiết của mỗi hộ đối với công tác bảo vệ và quản lý. Tuy nhiên, một hạn chế của phương án này là vì giao theo nhóm hộ nên giữa các hộ trong nhóm phải chia sẻ trách nhiệm và lợi ích của nhóm. Điều này có thể làm cho các hộ trong nhóm ít quan tâm đầu tư vào các hoạt động phát triển, bảo vệ và quản lý.

Giao đất, giao rừng cho từng hộ gia đình có thể là phương án phù hợp nhất đối với những khu vực gần khu dân cư, vì như vậy việc quản lý và bảo vệ của hộ đối với phần đất được giao là khá dễ dàng. Còn giao đất, giao rừng cho thôn/bản hoặc nhóm hộ và cộng đồng sẽ là phương án phù hợp đối với những khu vực rừng tương đối xa khu dân cư và diện tích mà không thể giao cho các tổ chức hoặc từng hộ gia đình. Một lý do nữa là có thể áp dụng hình thức giao đất rừng cho toàn bộ cộng đồng thôn/bản đối với các khu rừng thiêng, rừng dễ bị tranh chấp.

Trong bước xây dựng dự thảo kế hoạch sử dụng và đề xuất sơ bộ phương án giao đất, cần xác định được diện tích và địa điểm đất lâm nghiệp sẽ được giao cho các hộ gia đình, các nhóm hộ hoặc cho toàn bộ cộng đồng dân cư thôn/bản.

4.2. Tổ chức cuộc họp thôn/bản lần 3 và hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản

Đây là cuộc họp thôn/bản rất quan trọng vì nội dung chính của cuộc họp là thảo luận kế hoạch sử dụng ĐLN của thôn/bản. Vì thế, đại diện của tất cả các hộ gia đình trong thôn bản nên tham gia cuộc họp này. Cuộc họp sẽ được tổ chức trong một buổi, với những mục tiêu:

- Thống nhất kế hoạch sử dụng đất của thôn/bản, bao gồm cả phương án GĐLN đề xuất;
- Giải thích rõ các bước tiếp theo của quá trình QHSD&GĐLN có sự tham gia;
- Tuyên truyền vận động các hộ nhiều đất san sẻ một phần diện tích cho các hộ nghèo có ít hoặc không có đất lâm nghiệp để sản xuất.

Trong cuộc họp này, kết quả đánh giá hiện trạng sử dụng đất và kế hoạch sử dụng ĐLN của thôn/bản dự thảo và phương án giao đất đề xuất cho thôn/bản sẽ được trình bày, thảo luận và thống nhất nhằm bảo đảm kế hoạch sử dụng đất và phương án GĐLN được mọi người dân trong thôn/bản nhất trí. Nếu cần thiết, có thể điều chỉnh và bổ sung kế hoạch sử dụng đất và phương án GĐLN dự kiến trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các thành viên tham gia cuộc họp.

Sau khi đa số người dân tham gia họp thống nhất được kế hoạch sử dụng ĐLN, TCT sẽ phối hợp với cán bộ chuyên môn hoàn thiện và trình kế hoạch lên UBND xã để phê duyệt.





4.3. Lập kế hoạch sử dụng và dự thảo phương án giao đất, đánh giá tác động môi trường xã hội (ĐGTĐMTXH) cấp xã từ các kế hoạch và đề xuất giao đất của các thôn/bản

Sau cuộc họp thôn/bản lần 3, TCT cùng đơn vị tư vấn hoàn thiện kế hoạch sử dụng ĐLN của thôn/bản. TCT và đơn vị tư vấn sẽ tổng hợp thành bản quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất cấp xã, lập bản đồ quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã có tỷ lệ 1:10.000 và đề xuất phương án giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp và đề xuất hướng đánh giá tác động môi trường xã hội trong phạm vi của toàn xã. TCT xây dựng kế hoạch sử dụng ĐLN và đảm bảo các bản đồ và tài liệu liên quan được chuẩn bị theo Thông tư 25/2014/TT-BTNMT, Thông tư 38/2007/TT-BNN và Hướng dẫn của Sở Tài nguyên Môi trường về lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã.



4.4. Hội thảo cấp xã về kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất, và đánh giá tác động môi trường và xã hội của xã

Hội thảo cấp xã được tổ chức nhằm xem xét, góp ý kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất cấp xã và đánh giá tác động môi trường và xã hội.

Thành phần tham dự hội thảo bao gồm các thành viên HĐTVĐD, TCT, đơn vị tư vấn, đại diện các thôn/bản, đại diện các chủ thể quản lý sử dụng quản lý ĐLN trong địa bàn xã (nếu có: ví dụ Vườn quốc gia, khu bảo tồn, lâm trường, doanh nghiệp lâm nghiệp tư nhân...), và đại diện của ban điều hành cấp huyện.

Sau khi thảo luận và đi đến thống nhất về kế hoạch sử dụng đất, phương án GĐLN và cách đánh giá tác động môi trường và xã hội ở cuộc hội thảo, đơn vị tư vấn và TCT sẽ chỉnh sửa và hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất của xã trên cơ sở các ý kiến nhận xét, đóng góp, sau đó trình lên Hội đồng nhân dân xã xem xét để UBND xã phê duyệt và trình lên UBND huyện phê duyệt.

Các kết quả đầu ra của Bước 4:

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp xã

- Biên bản cuộc họp thôn/bản lần 3
- Kế hoạch sử dụng đất và phương án giao đất của các thôn/bản
- Bản thảo kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất, phương hướng quản lý tác động môi trường xã hội cấp xã
- Biên bản họp xã và bản đồ và báo cáo kế hoạch sử dụng đất, phương án giao đất trình Hội đồng Nhân dân xã, và UBND huyện để phê duyệt





Bước 5: GDLN tại thực địa

Các hoạt động trong Bước 5:

- Xác định rõ ranh giới thực địa
- Tổ chức họp thôn/bản lần 4
- Xây dựng bản đồ địa chính GDLN
- Viết và gửi tờ trình kế hoạch GDLN lên UBND xã
- Triển khai công tác GDLN tại thực địa

5.1. Xác định rõ ranh giới thực địa

Sau khi đã bố trí và ấn định ngày giờ khảo sát thực địa nói trên, các hộ, đại diện nhóm hộ và các trưởng thôn/bản, trưởng xóm sẽ ra thực địa hiện trường để đánh dấu và vẽ hình dạng các lô đất phân theo hộ lên bản đồ căn cứ trên các đặc điểm và đối tượng địa hình (đường phân thủy, đường tụ thủy, đỉnh đồi và cây lớn). Các hộ sẽ tự làm các mốc ranh giới lên những lô đất của mình cùng với các cán bộ trong TCT QHSD&GĐLN hoặc Hội đồng đăng ký đất đai xã tham gia trong khảo sát.

Nếu có bất cứ sự không thống nhất hay tranh chấp trên thực địa giữa các hộ hay các tổ chức cần phải được thảo luận, thương thảo, phải ghi lại thành biên bản ngay trên hiện trường. Trường hợp không thể giải quyết được tại hiện trường thì phải thông báo cho UBND xã và cơ quan chức năng có thẩm quyền để giải quyết.

Sau khi các hộ thống nhất vị trí và ranh giới lô đất, TCT xã và đơn vị tư vấn sẽ dùng bản đồ thực địa, hệ thống định vị toàn cầu (GPS), thước dây (nếu cần) để đo, vẽ, đánh số, xác định ranh giới các lô theo từng hộ trên bản đồ “nền địa hình” tỷ lệ 1:5.000 hệ tọa độ VN2000.

Lưu ý: Sự tham gia đầy đủ của các hộ dân nhận đất, có đất ở khu vực giao và các khu vực giáp ranh là rất quan trọng. Vì thế các hộ gia đình hoặc các nhóm hộ cần tham gia xác định ranh giới, đo đạc diện tích lô đất trên thực địa. Các hộ được nhận đất phải có mặt khi tiến hành GĐLN tại thực địa và xác định ranh giới giữa các hộ. UBND xã có thể ban hành thông báo nhằm huy động mọi người dân trong thôn/bản hỗ trợ tham gia quá trình GĐLN tại thực địa.



5.2. Xây dựng sơ đồ địa chính GĐLN thôn/bản

Sau khi đã xác định rõ ranh giới giữa các lô trên thực địa, đơn vị tư vấn và cán bộ địa chính xã sẽ lập sơ đồ GĐLN của thôn/bản và tính toán diện tích các lô rừng. Nếu sử dụng GPS để xác định thì vị trí đang đứng sẽ được xác nhận trực tiếp trên sơ đồ và sau này được hợp thành dữ liệu kỹ thuật số để tính toán diện tích. Trong trường hợp nếu không sử dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS) thì việc đo đạc diện tích được tiến hành bằng thủ công (sử dụng lưới ô vuông để xác định diện tích). Tỷ lệ của sơ đồ này ít nhất phải là 1:5.000. Những thông tin sau đây cần phải có trên sơ đồ: đánh số tiểu khu, số khoảnh và ký hiệu các lô dự kiến được giao cho các hộ cá thể, các nhóm hộ và cộng đồng.

Ký hiệu trên sơ đồ theo từng phần diện tích như sau:

- Đối với diện tích được giao cho các hộ gia đình cá nhân: ký hiệu bằng gạch chéo (45°), với khoảng cách giữa các gạch là 0,5 cm.

- Đối với diện tích được giao cho các nhóm hộ: ký hiệu bằng gạch thẳng đứng, với khoảng cách 0,5 cm.

- Đối với diện tích được giao cho các tổ chức (các tổ chức quần chúng, các doanh nghiệp hoặc các đơn vị quân đội): ký hiệu bằng đường gạch ngang, khoảng cách 0,5 cm.

Đối với mỗi lô đất, lô rừng được giao, cần ký hiệu rõ trên bản đồ như sau:

Số lô - Trạng thái rừng. Loại rừng
Diện tích lô (m²) - tên của chủ rừng

(Ghi chú: Trên lô đất cũng cần ghi rõ thông tin hạn chế sử dụng đó đang có mồ mả, đường chắn thả, đường dân sinh, cây cổ thụ v.v...)

Trạng thái rừng được thể hiện trên sơ đồ với các ký hiệu bằng chữ (xem mô tả chi tiết trạng thái rừng tại Phụ lục 1):

- Kiểu trạng thái rừng IA, IB, IC (đất trống đồi trọc hoặc cây bụi) - trồng rừng.

- Kiểu trạng thái rừng IIA, IIB, IIIA1, IIIA2, IIIB, IV (rừng giàu, rừng trung bình và rừng nghèo, rừng non phục hồi) - Bảo vệ.

Trên bản đồ của 3 loại rừng được ký hiệu như sau:

- Rừng sản xuất - Không có gạch và có màu trắng và màu xanh nhạt.

- Rừng phòng hộ - Gạch xiên và có màu xanh đậm hoặc nhạt (tùy thuộc vào cấp phòng hộ).

- Rừng đặc dụng - Gạch đứng và có màu đỏ gạch.

Ví dụ, đối với lô đất được giao có diện tích là 15.000 m², ký hiệu lô là a, trồng rừng trên diện tích rừng sản xuất sẽ được ghi trên bản đồ như sau:

a- IB- TR. S

15.000 m² - Hoàng Văn Hong/Nông Thị Nga



5.3. Viết và gửi tờ trình kế hoạch GĐLN lên UBND xã

Sau khi kiểm tra so sánh sơ đồ GĐLN của các thôn/bản với bản đồ kế hoạch sử dụng đất của xã đã lập và các bản đồ có liên quan (ví dụ Bản đồ chia ba loại rừng). Nếu TCT thống nhất với các kết quả kiểm tra, thì đơn vị tư vấn cùng cán bộ địa chính xã sẽ chuẩn bị đề xuất GĐLN trên địa bàn xã, bao gồm:

- Bản đồ GĐLN của xã;
- Danh sách các hộ cá thể và các nhóm hộ đủ điều kiện nhận đất nhận rừng, số hiệu tiểu khu, số hiệu khoảnh và số hiệu lô, trữ lượng gỗ và loại rừng;
- Đơn xin giao rừng (xem Phụ lục 2) theo Thông tư 21/VBHN-BNNPTNT;
- Biểu số liệu về diện tích đặc điểm khu rừng đất lâm nghiệp được giao của mỗi lô (xem Phụ lục.);
- Bảng kiểm kê rừng tóm tắt được quy định trong Thông tư 38/2007/TT-BNN.

Kế hoạch GĐLN của xã sẽ được UBND xã thông qua trước khi được trình lên UBND huyện phê duyệt.

5.4. Triển khai GĐLN tại thực địa

Sau khi nhận được quyết định phê duyệt về phương án GĐLN của UBND huyện, TCT xã chịu trách nhiệm tiến hành GĐLN tại thực địa cho các đối tượng với sự tham gia của các chủ rừng/đất lân cận (Tuỳ thuộc vào tình hình thực tế mà có thể GĐLN đồng thời hoặc không đồng thời ở các thôn/bản trong một xã). Đồng thời TCT xã có biên bản GĐLN có chữ ký của đại diện UBND xã và các hộ gia đình, các cá nhân liên quan.

Các biên bản này sẽ do tổ trưởng TCT, hộ/các nhóm hộ được nhận đất nhận rừng và trưởng thôn/bản ký. Trong biên bản, cần phải ghi rõ cả tên chồng và tên vợ của hộ được nhận đất nhận rừng, địa điểm lô rừng (lô, khoảnh và tiểu khu), diện tích, trữ lượng gỗ (nếu biết), chức năng quản lý chính được áp dụng trên lô đất. Các hộ được nhận đất nhận rừng ký biên bản nhận đất nhận rừng chỉ khi họ đồng ý với diện tích lô rừng, trữ lượng gỗ,

hạn chế sử dụng lô đất, chức năng quản lý chính của lô rừng theo như trong biên bản và khi họ biết được chính xác ranh giới của lô đất được giao. Khi ký biên bản giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp, các hộ được nhận cũng sẽ viết và ký vào đơn xin cấp GCNQSDĐ. Cả biên bản GĐLN và đơn xin cấp GCNQSDĐ sẽ được sử dụng để lập các tài liệu địa chính và hồ sơ GĐLN.

5.5. Cuộc họp thôn/bản lần 4


Tất cả các hộ nhận đất lâm nghiệp sau khi xác định ranh giới được giao ngoài thực địa về cần tham gia cuộc họp thôn/bản lần 4. Cuộc họp này sẽ được tổ chức trong một buổi, với các mục tiêu sau đây:

- Trình bày lại toàn bộ ranh giới số lô đã được xác định (nhấn mạnh cho thôn/bản đang họp);
- Thống nhất lại hiện trạng của khu đất được giao;
- Cho các hộ giáp ranh ký giáp ranh;
- Thống nhất về giới hạn sử dụng trên từng lô đất của các hộ;
-

Các kết quả đầu ra của Bước 5:

Giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp tại thực địa

- Sơ đồ địa chính GĐLN thôn/bản
- Tờ trình xin GĐLN của xã (gồm cả bản đồ và báo cáo) đã được UBND xã và UBND huyện phê duyệt
- Biên bản cuộc họp thôn/bản lần 4
- Biên bản giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp



Bước 6: Hoàn thiện Bản đồ địa chính và hoàn chỉnh hồ sơ GĐLN (nội nghiệp)

Các hoạt động trong Bước 6:

- Hoàn thiện hồ sơ địa chính và hồ sơ giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp
- Lập tờ trình xin cấp GCNQSDĐ

6.1. Hoàn thiện hồ sơ địa chính và hồ sơ giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp

Căn cứ vào kết quả hồ sơ giao đất thực địa, TCT phối hợp với đơn vị tư vấn có đủ khả năng lập bản đồ địa chính giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp và hồ sơ GĐLN.

Bản đồ địa chính được lập có các nội dung và độ chính xác theo quy định của Thông tư 25/2014/TT-BTNMT. Bản đồ địa chính có thể thực hiện bằng phương pháp: kết hợp sử dụng kết quả đo GPS khi giao đất, đối chiếu địa hình, địa vật đã thể hiện trên bản đồ để xác định ranh giới, mốc giới thửa đất và sử dụng máy đo đạc đo vẽ trực tiếp trên mặt đất để thể hiện lên nền bản đồ địa chính đã có. Trường hợp bản đồ địa chính giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp cần lập có tỷ lệ lớn hơn Bản đồ địa chính hiện có thì phóng to bản đồ hiện có ở khu vực cần thành lập, việc lập bản đồ địa chính vẫn thực hiện theo các phương pháp thông thường.

Hồ sơ xin giao đất gồm: Đơn xin giao rừng gắn liền với giao đất lâm nghiệp, mẫu GCNQSDĐ, sử dụng rừng đã viết đủ các nội dung, văn bản báo cáo kết quả GĐLN, tờ trình, danh sách đề nghị được GĐLN. TCT căn cứ vào kết quả GĐLN thực địa, bản đồ địa chính đã lập hướng dẫn người xin giao đất giao rừng hoàn chỉnh nội dung xin giao đất, giao rừng theo mẫu in sẵn; tham mưu ghi ý kiến xác nhận của UBND xã vào đơn; tổ chức viết các nội dung, vẽ sơ đồ thửa đất vào mẫu giấy chứng nhận đã phát hành theo quy định; thảo sẵn quyết định giao đất cho từng trường hợp.

6.2. Lập tờ trình xin cấp GCNQSDĐ

TCT và HĐTVĐĐ lập văn bản báo cáo kết quả đã GĐLN thực địa, gồm các nội dung: số hộ, nhóm hộ, cộng đồng đã giao nhận đất, số thửa đất, số diện tích đã giao nhận; đối chiếu, so sánh với phương án, kế hoạch đề ra; nhận xét, đánh giá kết quả đã đạt được, kiến nghị, đề xuất...; lập tờ trình của UBND xã để trình lên UBND huyện danh sách các trường hợp đề nghị UBND cấp huyện ký quyết định GĐLN và ký giấy chứng nhận

(việc lập hồ sơ và các trình tự, thủ tục tuân theo TT23/2014/TT-BTNMT) về việc quy định về GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất.

Kết quả đầu ra của Bước 6:

Hoàn thiện bản đồ địa chính và hoàn chỉnh hồ sơ GĐLN

- Bộ hồ sơ địa chính GĐLN
- Hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ



Bước 7: Thẩm định, phê duyệt, cấp GCNQSDĐ và lưu trữ

Các hoạt động trong Bước 7:

- Thẩm định hồ sơ địa chính
- Phê duyệt và cấp GCNQSDĐ
- Lưu trữ hồ sơ địa chính và hồ sơ GĐLN

7.1. Thẩm định hồ sơ địa chính

TCT xã nộp tất cả hồ sơ xin GĐLN đã lập ở trên cho phòng Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị chuyên môn liên quan cấp huyện để thẩm định, trình UBND huyện ký. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, TCT và đơn tư vấn có trách nhiệm giải trình các nội dung cần thiết và sửa chữa, bổ sung các nội dung theo yêu cầu của cơ quan thẩm định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện việc thẩm định hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ do cấp xã trình lên, nội dung thẩm định gồm: tính đầy đủ, chính xác cả về nội dung và hình thức của hồ sơ, tính pháp lý của hồ sơ.

Cơ quan thẩm định phải lập biên bản thẩm định. Kết thúc việc thẩm định, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện viết báo cáo trình UBND huyện xem xét phê duyệt và gửi kèm theo báo cáo là danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và những trường hợp phải xử lý, hình thức xử lý (Quy trình thẩm định theo Thông tư 23/2014/TT-BTNMT).

(Lưu ý: Hồ sơ giao rừng được tiến hành thẩm định tương tự Tài liệu địa chính nhưng được thực hiện bởi ngành Kiểm lâm theo quy định của Thông tư 38/2007/TT-BNN).

7.2. Phê duyệt và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

UBND huyện phê duyệt hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất theo tờ trình của cơ quan thẩm định và ra quyết định cấp GCNQSDĐ theo thẩm quyền cho những trường hợp có đủ điều kiện, đồng thời trình UBND tỉnh xét duyệt cho những trường hợp thuộc thẩm quyền tỉnh. (Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải tuân theo Thông tư 23/2014/TT-BTNMT).

7.3. Lưu trữ hồ sơ địa chính và hồ sơ GĐLN

Sau khi nhận được GCNQSDĐ, Hội đồng đất đai xã sẽ tổ chức việc giao GCNQSDĐ đến cho các hộ dân. Việc phát GCNQSDĐ lâm nghiệp đến các hộ gia đình sẽ được tổ chức tại các thôn/bản và các xóm theo đúng quy định của pháp luật.

Các phòng chuyên môn cấp huyện và xã tiến hành lưu trữ

quản lý hồ sơ đất đai (bản đồ địa chính/bản đồ giao rừng, sổ địa chính/sổ giao rừng, sổ mục kê, sổ theo dõi biến rừng và đất rừng..) và theo dõi cập nhật các trường hợp biến động về đất đai.

Kết quả đầu ra của Bước 7:

Thẩm định, phê duyệt hồ sơ và cấp GCNQSDĐ và lưu trữ

- Biên bản kiểm tra thẩm định hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính GĐLN
- Biên bản phê duyệt GCNQSDĐ
- Biên bản bàn giao hồ sơ cho các cấp quản lý, sử dụng
- Các hồ sơ địa chính (bao gồm 01 bộ gốc, 03 bộ in sao và phần mềm các bản đồ)



Phụ lục 1: PHÂN CHIA TRẠNG THÁI RỪNG

Hệ thống phân chia các kiểu trạng thái rừng theo Quyết định 682/QĐ và Quy phạm N6-84 ban hành ngày 01 tháng 8 năm 1994 của Bộ NN&PTNT.

I. Phân chia trạng thái rừng

Các kiểu trạng thái rừng được chia làm 4 nhóm:

- * Nhóm kiểu 1: Nhóm đất trống
- * Nhóm kiểu 2: Nhóm rừng nhỏ/phục hồi
- * Nhóm kiểu 3: Nhóm rừng thứ sinh, rừng đã bị tác động
- * Nhóm kiểu 4: Nhóm rừng nguyên sinh, rừng ổn định

Nhóm kiểu 1: Nhóm không có rừng hoặc hiện tại chưa thành rừng, chỉ có cỏ, cây bụi hoặc cây gỗ, tre mọc rải rác có độ che phủ dưới mức 0,3. Tùy theo hiện trạng, nhóm này được chia thành :

- Kiểu IA - Kiểu này được đặc trưng bởi lớp thực bì và cỏ.
- Kiểu IB - Kiểu này được đặc trưng bởi lớp thực bì cây bụi, cũng có thể có một số cây gỗ, tre mọc rải rác.
- Kiểu IC - Kiểu này được đặc trưng bởi cây thân gỗ tái sinh với số lượng đáng kể nằm trong hai kiểu trên. Chỉ được xếp vào kiểu IB khi số lượng cây tái sinh có chiều cao trên 1 m, đạt từ 1000 cây/ha trở lên.

Nhóm kiểu 2: Kiểu rừng phục hồi cây tiên phong có đường kính nhỏ. Tùy theo hiện trạng và nguồn gốc mà chia ra:

- Kiểu IIA - Rừng phục hồi sau nương rẫy, đặc trưng bởi lớp cây tiên phong ưa sáng, mọc nhanh, đều tuổi, một tầng.
- Kiểu IIB - Rừng phục hồi sau khai thác kiệt, phần lớn kiểu này bao gồm những quần thụ non với những loài cây tương đối ưa sáng, thành phần loài phức tạp không đều tuổi, độ ưu thế không rõ ràng.

Vượt lên khỏi tán rừng kiểu này có thể còn sót lại một số cây quần thụ cũ nhưng trữ lượng không đáng kể. Chỉ được xếp vào

kiểu này những quần thụ mà đường kính phổ biến vượt quá 20 cm.

Nhóm kiểu 3: Kiểu rừng thứ sinh đã bị tác động.

Các quần thụ rừng đã chịu tác động khai phá của con người ở nhiều mức độ khác nhau làm cho kết cấu ổn định của rừng ít nhiều đã có sự thay đổi khác nhau.

Tuỳ theo mức độ tác động và khả năng cung cấp sản phẩm mà nhóm này được chia làm hai kiểu:

- Kiểu IIIA: Kiểu IIIA được đặc trưng bởi những quần thụ đã được khai thác nhiều, khả năng khai thác hiện tại bị hạn chế. Cấu trúc ổn định của rừng bị phá vỡ hoàn toàn hoặc thay đổi về cơ bản. Kiểu này được chia làm ba kiểu phụ:

- Kiểu IIIA1: Rừng đã bị khai thác kiệt quệ, tán rừng bị phá vỡ từng mảng lớn. Tầng trên có thể còn sót lại một số cây cao, to, nhưng phẩm chất xấu, nhiều dây leo bụi rậm, tre nứa xâm lấn.

- Kiểu phụ IIIA2: Rừng đã bị khai thác quá mức nhưng đã có thời gian phục hồi tốt. Đặc trưng cho kiểu này là đã hình thành tầng giữa vươn lên chiếm ưu thế sinh thái với lớp cây đại bộ phận có đường kính 20 - 30 cm. Rừng có hai tầng trở lên, tầng trên tán không liên tục được hình thành chủ yếu từ những cây của tầng giữa trước đây, rải rác còn có một số cây to khoẻ vượt tán của tầng rừng cũ để lại.

- Kiểu phụ IIIA3: Rừng đã bị khai thác hoặc phát triển từ IIIA2 lên. Quần thụ tương đối khép kín với hai hoặc nhiều tầng. Đặc trưng của kiểu này khác với IIIA2 ở chỗ số lượng cây nhiều hơn và đã có một số cây có đường kính lớn (trên 35 cm) có thể khai thác sử dụng gỗ lớn.

- Kiểu IIIB: Kiểu IIIB được đặc trưng bởi những quần thụ đã bị chặt chọn lấy ra một ít gỗ quý, gỗ tốt, nhưng chưa làm thay đổi đáng kể về kết cấu ổn định của rừng, khả năng cung cấp của rừng còn nhiều, rừng giàu về trữ lượng với thành phần gỗ lớn cao (gỗ xẻ).

Nhóm kiểu 4: Rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh thành thực cho đến nay chưa được khai thác sử dụng. Rừng có cấu trúc ổn định, nhiều tầng, nhiều cấp kính nhưng đôi khi thiếu tầng giữa và tầng dưới. Nhóm này có hai kiểu:

- Kiểu IVA - Rừng nguyên sinh
- Kiểu IVB - Rừng thứ sinh phục hồi

Khi áp dụng bảng phân loại này vào từng vùng phải căn cứ vào đặc trưng của các trạng thái mà xác định các chỉ tiêu định lượng về diện ngang hay trữ lượng, độ tán che...

II. Phân chia trạng thái rừng tre nứa

* Nứa

- Rừng nứa thuần loại được chia thành các trạng thái sau đây:

• Trạng thái N.I - Nứa tép: $D_{1,3} < 2$ cm; N/ha > 10.000 cây. Nứa phục hồi sau nương rẫy hoặc thoái hoá do khai thác kiệt.

• Trạng thái N.II - Nứa vừa $D_{1,3} = 3 - 4$ cm, được chia theo ba cấp mật độ:

+ N.IIA Thưa 10.000 – 15.000 cây /ha.

+ N.IIB Trung bình 15.000 – 20.000 cây /ha.

+ N.IIC Dày > 20.000 cây /ha.

• Trạng thái N.III - Nứa to $D > 5$ cm được chia theo ba cấp mật độ:

+ N.IIIA Thưa 5.000 - 10.000 cây/ha.

+ N.III B Trung bình 10.000 - 15.000 cây/ha.

+ N.III C Dày > 15.000 cây/ha.

- Rừng nứa hỗn giao với gỗ: Trạng thái nứa xen gỗ (nứa là chủ yếu) được chia theo tiêu chuẩn phân chia của rừng tre nứa, với tầng cây gỗ để nguyên. Ký hiệu trạng thái: Nứa + tên loài cây gỗ ưu thế.

Ví dụ: N.IIIA + Re

- Rừng gỗ xen nứa: Trạng thái rừng tự nhiên xen nứa (rừng chiếm ưu thế) được mô tả theo trạng thái của rừng tự nhiên với ký hiệu loài nứa. Trạng thái: gỗ + nứa;

VD: IIIA3 + N

* **Vầu**

- Kiểu trạng thái V.I - Rừng vầu phục hồi chia ba kiểu phụ:

• V.IA - Trạng thái rừng vầu thoái hoá thường gọi là vầu đỉnh:

D = 2 - 4 cm, N/ha = 5.000 - 10.000 cây.

• V.IB - Trạng thái rừng vầu phục hồi sau nương rẫy:

D = 4 - 6 cm, N/ha = 1.000 - 3.000 cây.

• V.IC - Trạng thái rừng vầu phục hồi sau khai thác mạnh:

D = 6 - 8cm, N/ha = 1000 - 5.000 cây.

- Kiểu trạng thái V.II - Trạng thái rừng vầu đã bị tác động, D = 8 - 10cm, N/ha = 2.000 - 3.000 cây, chia hai kiểu phụ:

• V.II - Vầu thuần loại

• V.II + G - Vầu xen gỗ

Khi phân chia trong từng vùng cụ thể phải xác định tên loài cây gỗ ưu thế và khi đó ký hiệu G được thay bằng tên cây đó.

VD: VII + Re (Re là tên tiếng Việt của *Cinnamomum* sp.)

- Kiểu trạng thái V.III - Trạng thái rừng vầu ổn định, đến nay chưa bị khai thác sử dụng. Đường kính từ 10 cm trở lên. Trạng thái này được chia làm ba kiểu phụ sau đây:

• V.III - Vầu thuần loại, có mật độ dày trên 4.000 cây/ha

• V.III + G - Trạng thái vầu xen cây gỗ, có mật độ khoảng >3.000cây/ha
G.V.III - Trạng thái gỗ xen vầu, với mật độ cây vầu trên 4.000 cây/ha.

• G.V.III: - Trạng thái gỗ xen vầu, có mật độ hơn 4.000 cây/ha (Ký hiệu G (gỗ) sẽ được thay bằng tên viết tắt của loài cây chiếm ưu thế và phải viết đúng vị trí trước và sau).

* **Tre, luồng**: Đối với các loài cây tre luồng sẽ căn cứ vào các yếu tố sau đây để phân chia trạng thái: Trước hết phân ra tre/ luồng thuần loại và hỗn giao với gỗ. Sau đó rừng tre thuần loại được chia ra theo các yếu tố: Loài cây tre, cấp kính và cấp số cây.

- Cấp kính (D1,3 cm)

- Cấp I 3 - 5 cm.
- Cấp II 6 - 9 cm.
- Cấp III >9 cm.

- Cấp số cây (N/ha)

- Cấp 1 (thưa) 1.000 - 2.000 cây/ha.
- Cấp 2 (trung bình) 2.000 - 3.000 cây/ha.
- Cấp 3 (dày) > 3.000 cây/ha.

Ký hiệu trạng thái: Tên cây + cấp kính + cấp số cây.

VD: T-II-3 (chữ T là ký hiệu của tre gai trong bảng ký hiệu viết tắt theo quy định chung) tre gai thuộc cấp kính II và trên 3.000 cây/ha. Đối với trạng thái hỗn giao giữa các loài tre với cây gỗ cũng sẽ được phân chia trạng thái theo cách như rừng tre nứa.

III. Phân chia trạng thái rừng trồng

* Căn cứ phân chia trạng thái:

- Chia theo loài cây trồng: Mỗi một loài cây chia riêng một trạng thái. Trường hợp hỗn giao nhiều loài cây thì mỗi một phương thức hỗn giao chia riêng một trạng thái.

- Chia theo cấp tuổi: Chia làm 5 cấp:

Cấp I	Cấp II	Cấp III
Cấp IV	Cấp V	

* Ký hiệu trạng thái: Tên cây + cấp tuổi.

VD: trạng thái thông II - Viết tắt (Th.II)

Một số chỉ tiêu cấp tuổi:

- Bồ đề 2 năm 1 cấp tuổi

- Bạch đàn 3 năm 1 cấp tuổi

- Thông, Sa mộc 5 năm 1 cấp tuổi

Ví dụ đối với rừng thông trồng được 10 năm tuổi thì được ký hiệu là "Th.II".

Các loài khác nhau có cấp tuổi khác nhau.

Phụ lục 2: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG, THUÊ RỪNG

Mẫu số/LN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO RỪNG

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

Kính gửi: Ủy ban Nhân dân xã (phường, thị trấn)

-
1. Ủy ban Nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh):.....
.....
Họ và tên người xin giao rừng (Viết chữ in hoa) (1):.....
..... Năm sinh:.....
Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
Họ và tên vợ hoặc chồng (Viết chữ in hoa):.....
..... Năm sinh:.....
Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
 2. Địa chỉ thường trú:.....
 3. Địa điểm khu rừng xin giao (2):.....
 4. Diện tích xin giao rừng (ha):.....
 5. Để sử dụng vào mục đích (3):.....
 6. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Xác nhận của UBND xã

1. Xác nhận về nhân thân hộ gia đình, cá nhân.....
2. Về nhu cầu và khả năng sử dụng rừng của người xin giao rừng
3. Về sự phù hợp với quy hoạch.....
.....Ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban Nhân dân

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ, tên)

....Ngày.....tháng.....năm....

Người đề nghị giao rừng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hướng dẫn điền đơn:

1. Đối với hộ gia đình thì ghi cả hai vợ chồng cùng xin giao rừng thì ghi họ, tên, số CMND và ngày, nơi cấp của vợ hoặc chồng.

2. Địa điểm khu rừng xin giao ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, xã, huyện, tỉnh, có thể ghi cả địa danh địa phương.

3. Quản lý, bảo vệ (rừng đặc dụng, phòng hộ) hoặc sản xuất (rừng sản xuất).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ RỪNG

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

Kính gửi:.....

1. Họ và tên người xin thuê rừng (Viết chữ in hoa) (1):.....

..... Năm sinh:.....

Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Họ và tên vợ hoặc chồng (Viết chữ in hoa):.....

..... Năm sinh:.....

Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Địa chỉ liên hệ:.....

3. Địa điểm khu rừng xin giao (2):.....

4. Diện tích đề nghị thuê rừng (ha):.....

5. Thời hạn thuê rừng (năm):.....

6. Để sử dụng vào mục đích (3):.....

7. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Xác nhận của UBND xã

1. Về nhu cầu và khả năng sử dụng rừng của người xin giao rừng.....

.....

2. Về sự phù hợp với quy hoạch.....

.....

....Ngày.....tháng.....năm....

Người đề nghị giao rừng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban Nhân dân

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hướng dẫn điền đơn:

1. Đối với hộ gia đình thì ghi "Hộ ông/bà" ghi họ, tên, năm sinh, số CMND và ngày, nơi cấp; trường hợp cả hai vợ chồng cùng đề nghị thuê rừng thì ghi họ, tên, số CMND và ngày, nơi cấp của cả vợ và chồng.

2. Địa điểm khu rừng đề nghị giao ghi rõ tên tiểu khu, khoảnh, xã, huyện, tỉnh.

3. Thuê để sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, dịch vụ du lịch....

11 Mẫu đơn này được thay thế bởi Phụ lục 06 theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 3 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2011.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ RỪNG

(Dùng cho cộng đồng dân cư thôn)

Kính gửi:.....

1. Tên cộng đồng dân cư thôn đề nghị giao rừng (Viết chữ in hoa) (1):.....

..... Năm sinh:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Họ tên người đại diện cộng đồng dân cư thôn:.....

.....

Tuổi:..... Chức vụ:..... Số CMND:.....

Sau khi được nghiên cứu Luật Bảo vệ và phát triển rừng, được trao đổi thống nhất trong thôn, có quy chế quản lý rừng sơ bộ (kèm theo) và thống nhất đề nghị Ủy ban Nhân dân huyện, xã giao rừng cho cộng đồng như sau:

4. Địa điểm khu rừng đề nghị giao (ghi địa danh, tên lô, khoảnh, tiểu khu):.....

.....

5. Diện tích đề nghị giao (ha):.....

6. Để sử dụng vào mục đích (2):.....

7. Cam kết sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Xác nhận của UBND xã

1. Về nhu cầu và khả năng quản lý, sử dụng rừng của cộng đồng dân cư thôn

.....

2. Về sự phù hợp với quy hoạch.....

.....

....Ngày.....tháng.....năm....

Người đề nghị giao rừng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

.....Ngày.....tháng.....năm.....

TM. Ủy ban Nhân dân

Chủ tịch

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hướng dẫn điền đơn

1. Ghi “Cộng đồng dân cư thôn/bản”, sau đó là tên của thôn, lang, ấp, bản, buôn, phum, sóc hoặc tên của đơn vị tương đương.
2. Rừng theo ba loại.
3. Kèm theo đơn này phải có biên bản họp thôn thống nhất việc đề nghị Nhà nước giao rừng và ghi rõ số hộ gia đình có trong thôn.

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG RỪNG

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Vị trí khu rừng: Diện tích.....ha, Thuộc khoảnh,.....lô...
Các mặt tiếp giáp.....;
- Địa chỉ khu rừng: thuộc xã.....huyện.....tỉnh.....;
2. Địa hình: Loại đất.....độ dốc.....;
3. Khí hậu:.....;
4. Tài nguyên rừng (nếu có): Loại rừng.....;

II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG RỪNG

1. Diện tích đất chưa có rừng:.....
2. Diện tích có rừng: Rừng tự nhiên.....ha;
Rừng trồng.....ha
 - Rừng tự nhiên
 - + Trạng thái rừng.....loài cây chủ yếu.....
 - + Trữ lượng rừng.....m³, tre, nứa.....cây
 - Rừng trồng
 - + Tuổi rừng.....loài cây trồng.....mật độ.....
 - + Trữ lượng.....
 - Tình hình khai thác, tận thu các loại lâm sản, động, thực vật qua các năm.....

III. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG RỪNG

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển giai đoạn 5 năm tới

- Kế hoạch trồng rừng đối với diện tích đất chưa có rừng:
 - + Loài cây trồng.....
 - + Mật độ.....
 - +.....
- Kế hoạch chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng:
 - +.....
 - +.....

- Kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sâu, bệnh hại rừng:.....
- + Xây dựng đường băng.....
- + Các thiết bị phòng cháy.....
- +.....
- Kế hoạch khai thác, tận thu sản phẩm
- +.....
- +.....

2. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển các giai đoạn tiếp theo

- Kế hoạch trồng rừng đối với diện tích đất chưa có rừng:
- + Loài cây trồng.....
- + Mật độ.....
- +.....
- Kế hoạch chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng:
- +.....
- +.....
- Kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sâu, bệnh hại rừng:.....
- + Xây dựng đường băng.....
- + Các thiết bị phòng cháy.....
- +.....
- Kế hoạch khai thác, tận thu sản phẩm
- +.....
- +.....

BIỂU THÔNG KÊ ĐẶC ĐIỂM KHU RỪNG GIAO, CHO THUÊ, THU HỒI RỪNG
(Kèm theo Quyết định số....., ngày.....tháng.....năm.....của Ủy ban Nhân dân

Tỉnh, thành phố:.....
 Huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:.....
 Xã, phường, thị trấn:.....

STT	Vị trí, địa điểm				Diện tích	Loại rừng	Trạng thái	Trữ lượng	Mật độ	Cấp phòng hộ	Độ tàn che	Chiều cao	Loại cây	Năm trồng
	Tiểu khu	Khoảnh	Lô											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
01														
02														
03														
04														
05														
06														
07														
08														
09														
10														
Cộng						x			x			x		

Đơn vị tư vấn (1):
 Người lập biểu

Ngày.....tháng.....năm.....
 Thứ trưởng đơn vị (2)
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

Hướng dẫn điền biểu:

1. Đơn vị tư vấn là cơ quan trực tiếp đo đếm, xác định các đặc điểm của khu rừng.

2. Mẫu biểu này được sử dụng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng và hợp đồng thuê rừng. Biểu được thống kê theo từng xã.

3. Cột 10 ghi lô đó thuộc cấp phòng hộ nào (rất xung yếu, xung yếu hay ít xung yếu).

4. Cột 13 trường hợp là rừng tự nhiên thì ghi tổ thành nhóm loài cây chủ yếu, nếu là rừng trồng thì ghi tên loài cây trồng.

5. Cột 14 ghi năm trồng đối với rừng trồng.



DỰ ÁN HỖ TRỢ CHUẨN BỊ SẴN SÀNG THỰC HIỆN REDD+ Ở VIỆT NAM

P043, 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04 3728 6495 * Fax: 04 3728 6496

Email: fcpf.pmu@vietnam-fcpf.vn

Website: www.vietnam-redd.org